

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG XÂY DỰNG ĐẠI HỌC NGHIÊN CỨU

PHẠM THỊ LY

Viện Đào tạo Quốc tế, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế tri thức, trường đại học nghiên cứu (ĐHNC) vốn là tài sản vô giá của bất cứ quốc gia nào, càng trở nên đặc biệt quan trọng. Hiện nay, nhiều quốc gia đang phát triển và các nền kinh tế mới trỗi dậy đã đề ra mục tiêu và triển khai xây dựng cho mình một vài ĐHNC được quốc tế công nhận. Trong phạm vi bài viết, tác giả trình bày một số kinh nghiệm của quốc tế trong việc triển khai thực hiện xây dựng trường ĐHNC đạt chuẩn quốc tế. Hy vọng qua đây chúng ta sẽ có thêm những thông tin hữu ích phục vụ cho việc xây dựng các ĐHNC ở trong nước.

Trường ĐHNC trong bối cảnh toàn cầu và Việt Nam

Ngày nay, hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) đã trở nên rất đa dạng, bao gồm nhiều loại trường khác nhau nhằm thực hiện những sứ mạng khác nhau và đáp ứng những nhu cầu khác nhau của xã hội, trong đó trường ĐHNC có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì sự ưu tú, tạo ra những tri thức mới, ý tưởng mới, sáng tạo mới nhằm dẫn dắt tiến bộ xã hội cũng như thúc đẩy sự giàu mạnh của quốc gia. Đối với các quốc gia phát triển, trường ĐHNC được coi là trung tâm trí tuệ của đất nước, nơi phát triển các ý tưởng mới, khám phá mới làm nền tảng cho mọi cuộc đổi mới xã hội cũng như về công nghệ. Đây là nơi đào tạo những người làm nghề nghiên cứu, chuẩn bị cho lực lượng khoa học kế thừa, tập trung giới hàn lâm tinh hoa của quốc gia và là cầu nối với giới học thuật quốc tế. Vì thế, Tuyên ngôn Hợp Phì của liên minh lớn nhất các trường ĐHNC gồm Hoa Kỳ, Australia, EU và Trung Quốc đã khẳng định, những

nghiên cứu mà các trường đại học này thực hiện là động lực cho đổi mới, giúp cho việc đáp ứng với những vấn nạn chính của quốc gia và của toàn cầu, đem lại những kiến giải về một thế giới ngày càng nhiều biến động và đang thay đổi nhanh chóng.

Là một quốc gia đang phát triển, mặc dù trong 3 thập kỷ vừa qua nhờ mở cửa nền kinh tế, chúng ta đã có những phát triển vượt bậc và hội nhập được tăng cường, nhưng GDĐH của chúng ta vẫn là một khu vực chậm tiến so với các quốc gia trong khu vực. Trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay, chúng ta sẽ khó duy trì được mức độ tăng trưởng về kinh tế nếu không cải thiện đáng kể chất lượng nguồn nhân lực thông qua GDĐH. So với mục tiêu phát triển của nền kinh tế cần một nguồn nhân lực có chất lượng đảm bảo thì sự phát triển của hệ thống GDĐH nước ta trong 3 thập kỷ qua còn hạn chế, phát triển chủ yếu thiên về số lượng hơn là về chất lượng. Tăng trưởng quá nóng về số lượng hiện nay đã chậm lại, nhưng hậu quả của việc giảm sút chất lượng và

loại chuẩn mực thì cần thời gian mới khắc phục được. Trong bối cảnh đó, trường ĐHNC sẽ có một vai trò tích cực trong việc xác lập lại các chuẩn mực về học thuật, về văn hóa khoa học, về đạo đức nghiên cứu, về năng suất làm việc và về những đóng góp cho cộng đồng theo những tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Bên cạnh đào tạo đội ngũ nghiên cứu khoa học kế thừa, trường ĐHNC còn đào tạo các sinh viên tài năng và đó là nguồn cung cấp giảng viên tiềm năng cho các trường đại học khác trong hệ thống GDĐH.

Một vài kinh nghiệm quốc tế trong xây dựng ĐHNC

Lựa chọn lãnh đạo, bài học từ kinh nghiệm của Trường Đại học Khoa học Công nghệ Hồng Kông (HKUST). Chỉ trong vòng 10 năm kể từ ngày thành lập (năm 1991), HKUST đã trở thành 1 trong 10 trường ĐHNC hàng đầu ở châu Á, và xếp hạng 8 trên thế giới về đào tạo thạc sỹ quản trị kinh

doanh (MBA) trong bảng xếp hạng THES (Times Higher Education Supplement), ngang hàng với Đại học Chicago vào năm 2010. Cuộc tìm kiếm hiệu trưởng cho HKUST là một cuộc tìm kiếm trên phạm vi toàn cầu. Lựa chọn cuối cùng là Woo Chia-Wei, một nhà vật lý lý thuyết lỗi lạc và là Hiệu trưởng của Trường San Francisco State University (có 25.000 sinh viên), người gốc Hoa đầu tiên lãnh đạo một trường đại học lớn ở Hoa Kỳ. Điểm nổi bật này biến thành một điểm lợi thế mấu chốt trong việc tuyển dụng đội ngũ khoa học, nhân tố chính tạo nên thành công nhanh chóng của nhà trường. Người ta thường trích dẫn câu nói của ông: “Bạn sẽ phải bắt đầu từ trên đỉnh vì chỉ có người thuộc đẳng cấp số 1 mới có thể thu hút được những người ở đẳng cấp số 1 khác”.

Cách tương tác với nhà nước để mở rộng tự chủ, bài học của Đại học Thanh Hoa. Theo Su Yan Pan (2009, trang 127-153), Đại học Thanh Hoa đã chận vật tranh

đấu trong việc đáp ứng với những thay đổi trong môi trường kinh tế toàn cầu và những cải cách kinh tế của Trung Quốc, để thích nghi với kinh tế thị trường trong nước, tăng cường cơ cấu đào tạo và kết hợp những mô hình toàn cầu trong việc theo đuổi địa vị trường đại học đẳng cấp quốc tế trong cộng đồng GDĐH thế giới. Thông qua quá trình này, Đại học Thanh Hoa đã chủ động tìm kiếm một mức độ tự chủ cao hơn thay vì chấp nhận mức tự chủ mà nhà nước cho phép. Việc thích nghi với những lực lượng thị trường và các mô hình quốc tế cũng như thực thi nó đã giúp cho trường nâng cao mức độ tự do của mình trong việc tạo ra thay đổi và đi xa hơn khuôn khổ chính sách của nhà nước: đa dạng hóa chương trình đào tạo, nhấn mạnh nhu cầu nghiên cứu khoa học, điều chỉnh và thích nghi với những ảnh hưởng của quốc tế cũng như sử dụng chính sách đặc biệt của nhà nước đối với việc vận dụng cơ chế thị trường trong quản lý và đào tạo; thích ứng với sự kiên định của nhà nước đối với những vấn đề về chính trị. Qua đó, Đại học Thanh Hoa đã giành được quyền tự chủ ngày càng cao trong các lĩnh vực liên quan tới cải cách kinh tế trong nước và năng lực cạnh tranh của quốc gia trong một nền kinh tế toàn cầu hóa.

Chú trọng hiệu quả sử dụng nguồn lực, bài học từ sự so sánh 21 trường ĐHNC trên thế giới. Hiển nhiên là nguồn lực có vai trò quan trọng trong việc xây dựng trường ĐHNC. Số tiền đầu tư cho việc tạo ra sự ưu tú này đã được sử dụng như thế nào và đạt được kết quả ra sao là một vấn đề lý thú. Kathryn Mohman - Đại học bang Arizona (Hoa Kỳ) đã thực hiện một nghiên cứu so sánh cực kỳ thú vị về 21 trường ĐHNC thuộc châu Á, châu Âu, Bắc Mỹ nhằm trả lời câu hỏi:



Trường Đại học Khoa học Công nghệ Hồng Kông (HKUST)

ngân sách đầu tư của quốc gia cho nghiên cứu đã tác động đến năng suất công bố khoa học (ấn phẩm khoa học) của các trường như thế nào? Phải chăng ưu tiên cho thứ hạng là động lực khiến các trường nhấn mạnh vào công bố khoa học hơn hẳn những hoạt động học thuật và đào tạo khác? Đầu tư nhiều tiền hơn liệu có tạo ra chất lượng cao hơn? Liệu các trường đại học mới nổi ở châu Á có đuổi kịp các trường lâu đời ở châu Âu và Bắc Mỹ xét về thành tựu nghiên cứu và uy tín? Và các bảng xếp hạng đại học toàn cầu đã ảnh hưởng đến các trường ĐHNC như thế nào? Kết quả cho thấy, các trường đại học ở châu Á đang tiến nhanh, tuy rằng có sự khác biệt rất lớn về năng suất công bố khoa học và chỉ số tác động. Xét về hiệu quả, tính trên đơn vị bài báo, trường này tiêu tốn hơn rất nhiều so với trường khác. Mặt khác, 3 trường có số bài cao nhất tính trên đầu giảng viên lại là 3 trường có chỉ số tác động Leiden thấp nhất. Nói cách khác, kết quả này gợi ý rằng, các trường có thể thành công hơn trong việc nâng cao uy tín của mình bằng chất lượng thay vì bằng số lượng các bài báo khoa học.

Dựa vào kết quả đo lường thu được để lên kế hoạch và đặt mục tiêu. Kế hoạch cần có trọng tâm, tính khả thi cao, nghĩa là được xây dựng dựa trên chứng cứ và sự phân tích thấu đáo. Nó cũng cần dự kiến trước các bước thực hiện, những cách thức giám sát, và những tiêu chuẩn để đánh giá (West Burnham, 1994; Kotler and Murphy, 1981; Barton and Martin, 1998). Kế hoạch về hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ được xây dựng nhằm trả lời câu hỏi: trọng tâm nghiên cứu của nhà trường là những lĩnh vực nào (đang phát triển thế mạnh hay nên xây dựng

những lĩnh vực mới; lĩnh vực nào là quan trọng hoặc có triển vọng tích cực đối với quốc gia, khu vực hay toàn thế giới); cần vận dụng những giải pháp gì và với nguồn lực như thế nào để phát triển những lĩnh vực ấy; và cuối cùng, đo lường những kết quả ấy thế nào. Tất cả những câu hỏi đó đều cần có dữ liệu để trả lời. Hầu hết các yếu tố cần phân tích để làm cơ sở cho việc trả lời những câu hỏi trên, đều có thể lượng hóa và đo lường được. Đo lường khoa học (scientometrics) có thể (1) *Phân tích hồ sơ năng lực của nhà trường*; (2) *Phân tích các xu hướng nghiên cứu quốc tế và đối sánh với khả năng nguồn lực của nhà trường*; (3) *Phân tích về đặc điểm và năng lực đội ngũ nghiên cứu, về những lĩnh vực mạnh và yếu*; (4) *Phân tích thành quả nghiên cứu và xu hướng phát triển của cá nhân nhà khoa học*. Ngoài ra, kết quả phân tích dựa trên các phương pháp nghiên cứu của ngành đo lường khoa học cho thấy năng suất, chất lượng, tác động, hiệu quả và thế mạnh trong hoạt động nghiên cứu của nhà trường. Những thước đo này cũng sẽ là công cụ chủ yếu để giám sát quá trình thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch; giúp trả lời câu hỏi, những khoản đầu tư cho nghiên cứu khoa học đã mang lại kết quả gì (ví dụ, có thể đánh giá tổng quan về kết quả đầu tư cho hoạt động nghiên cứu tính trên tương quan với số bài báo khoa học). Các chỉ tiêu được đo lường gồm: số bài báo khoa học trên đầu giảng viên/nghiên cứu viên có bằng tiến sĩ; thu nhập từ hoạt động nghiên cứu mang lại và số bài báo khoa học/mỗi triệu đồng thu nhập và uy tín về nghiên cứu trên phạm vi toàn cầu. Hiệu quả đầu tư còn được đánh giá thông qua chất lượng nghiên cứu (số bài báo có chỉ số tác động cao

hoặc số bài không được trích dẫn). Những dữ liệu này có một vai trò quan trọng trong việc xác định những lĩnh vực ưu tiên để phân bổ nguồn lực cũng như xác định mục tiêu cụ thể.

Tuyên ngôn Hợp Phi đã nhấn mạnh rằng, chúng ta không nên thu hẹp trường ĐHNC trong vai trò công cụ, trói buộc vai trò và mục đích của nhà trường chỉ vào việc sản xuất ra những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho vận hành nền kinh tế hiện đại và thực hiện những nghiên cứu phục vụ sự phát triển của quốc gia. Tuy đó là những mục tiêu đáng mong đợi, nhưng nếu chúng ta không nhìn thấy những gì đã làm nên những kết quả ấy, thì ngay chính những kết quả ấy cũng không thể nào đạt được, bởi “Phần lớn những gì nhà nước và xã hội mong ước ở trường đại học là những thứ nảy sinh từ năng lực nằm sâu bên trong và là những kết quả vô hình mà lối tiếp cận coi nhà trường là công cụ đã không đánh giá đúng, thậm chí đã không nhìn thấy”.

Vì thế, những nỗ lực xây dựng trường ĐHNC phải dựa trên nền tảng hiểu biết về bản chất của trường ĐHNC, là điều đã làm nên những thành tựu và đóng góp vô giá của nó. Những tiếp cận định lượng, các thước đo nhằm đánh giá kết quả hoạt động của nhà trường và nhà khoa học là điều cần thiết, nhưng cần được bổ sung bằng những cách tiếp cận khác có ý nghĩa định tính. Trường ĐHNC là tài sản tinh thần vô giá của quốc gia, chính bởi vì nó không chỉ có những cam kết với hiện tại mà còn có những nghĩa vụ cao cả đối với tương lai, và đó là thứ khó mà lượng hóa .